

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết được đánh giá là đạt.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

| STT | Nội dung đánh giá | Tiêu chí Đạt/Không đạt | |
|----------|--|---|-----------|
| 1 | Yêu cầu về dịch vụ | | |
| 1.1 | Phạm vi và danh mục khám: Nhà thầu cung cấp dịch vụ khám sức khỏe theo đúng nội dung, khối lượng, danh mục lâm sàng – cận lâm sàng – xét nghiệm được quy định tại Chương V | Đáp ứng đầy đủ các yêu cầu | Đạt |
| | | Không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu | Không đạt |
| 1.2 | Kế hoạch thực hiện dịch vụ: Thuyết minh đầy đủ, rõ ràng về thời gian, địa điểm, quy trình tổ chức khám sức khỏe, bao gồm: kế hoạch lấy mẫu xét nghiệm, phân luồng người khám, phương án điều phối, biện pháp đảm bảo an toàn sinh học, xử lý tình huống phát sinh. | Có kế hoạch chi tiết, khả thi, hợp lý | Đạt |
| | | Kế hoạch không cụ thể hoặc thiếu tính khả thi | Không đạt |
| 1.3 | Điều kiện năng lực chuyên môn: - Là Bệnh viện đa khoa hạng I trở lên hoặc tương đương hạng I trở lên. Trường hợp liên danh thì từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu trên. (Cung cấp bản công chứng/chứng thực của cơ quan có thẩm quyền các tài liệu chứng minh) | Cung cấp hồ sơ pháp lý, chứng chỉ, kinh nghiệm đầy đủ | Đạt |
| | | Thiếu một trong các tài liệu hoặc không đáp ứng yêu cầu | Không đạt |
| 1.4 | Nhân sự tham gia khám: Có danh sách nhân sự chủ chốt (Bác sĩ nội tổng quát, phụ sản, chẩn đoán hình ảnh, xét nghiệm, thăm dò chức | Nhân sự đủ số lượng, chuyên môn, chứng chỉ | Đạt |

| STT | Nội dung đánh giá | | Tiêu chí Đạt/Không đạt |
|----------|---|--|------------------------|
| | năng, điều dưỡng, kỹ thuật viên...) đáp ứng yêu cầu trình độ, chuyên ngành và chứng chỉ hành nghề. | Không đủ nhân sự, thiếu chứng chỉ hoặc không phù hợp chuyên khoa | Không đạt |
| 1.5 | Trang thiết bị y tế: Nhà thầu có hoặc huy động được thiết bị khám – cận lâm sàng theo danh mục Chương V: máy siêu âm màu, X-quang kỹ thuật số, điện tim, máy xét nghiệm sinh hóa – huyết học – nước tiểu, máy nội soi tai mũi họng, hệ thống lưu trữ kết quả điện tử. | Có đủ danh mục thiết bị, hồ sơ chứng minh quyền sở hữu/huy động hợp pháp | Đạt |
| | | Danh mục thiết bị thiếu thiết bị hoặc không có tài liệu chứng minh | Không đạt |
| 1.6 | Ứng dụng bệnh án điện tử: Nhà thầu triển khai hệ thống quản lý kết quả khám sức khỏe bằng bệnh án điện tử, đáp ứng yêu cầu: lưu trữ dữ liệu điện tử, cấp mã QR cho từng người khám, tra cứu và xuất báo cáo điện tử, đảm bảo bảo mật dữ liệu theo Thông tư 13/2025/TT-BYT. | Có mô tả chi tiết giải pháp Bệnh án điện tử, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và bảo mật | Đạt |
| | | Không có hoặc không đáp ứng đầy đủ yêu cầu | Không đạt |
| 1.7 | Yêu cầu về kết quả đầu ra của dịch vụ: Dịch vụ được thực hiện đầy đủ các danh mục khám của Chủ đầu tư đưa vào trong hồ sơ thầu. Lập Hồ sơ khám sức khỏe định kỳ cho mỗi cá nhân tham gia khám theo đúng mẫu thông tư số 32/2023/TT-BYT. Lập Bảng tổng kết kết quả khám của toàn thể người tham gia khám, kết luận và đưa ra phương hướng điều trị, nhận xét khuyến cáo và hướng giải quyết về tình hình sức khỏe của người lao động. Quản lý hồ sơ bệnh án điện tử; trả kết quả khám sức khỏe online. | Đáp ứng đầy đủ | Đạt |
| | | Không đáp ứng | Không đạt |
| 2 | Tiến độ thực hiện | | |
| | Tiến độ thực hiện: Có biểu tiến độ phù hợp, khả thi, đảm bảo hoàn | Đề xuất Bảng tiến độ phù hợp, khả thi và không vượt quá 60 ngày | Đạt |

| STT | Nội dung đánh giá | | Tiêu chí Đạt/Không đạt |
|----------|---|---|------------------------|
| | thành toàn bộ gói thầu trong 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. | Đề xuất Bảng tiến độ vượt quá 60 ngày hoặc không phù hợp, khả thi | Không đạt |
| 3 | Yêu cầu về an toàn, bảo mật, tuân thủ pháp luật | | |
| 3.1 | Bảo mật thông tin: Có biện pháp bảo mật hồ sơ sức khỏe, dữ liệu cá nhân theo quy định của Bộ Y tế và Luật An toàn thông tin mạng. | Có cam kết và mô tả biện pháp bảo mật | Đạt |
| | | Không có hoặc không phù hợp | Không đạt |
| 3.2 | Tuân thủ quy định pháp lý: Nhà thầu cam kết tuân thủ quy định chuyên môn, quy trình kỹ thuật, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp y tế, quy định về an toàn lao động và phòng chống dịch bệnh. | Có đầy đủ cam kết | Đạt |
| | | Không có hoặc không đầy đủ | Không đạt |
| 4 | Giải pháp kỹ thuật và phương pháp luận thực hiện | | |
| 4.1 | Giải pháp tổ chức thực hiện: Thuyết minh rõ giải pháp bố trí nhân sự, quy trình quản lý khám sức khỏe, phối hợp đơn vị, xử lý tình huống phát sinh (tăng số lượng người khám, nghi ngờ bệnh lý...). | Giải pháp cụ thể, phù hợp thực tiễn | Đạt |
| | | Giải pháp chung chung, thiếu chi tiết | Không đạt |
| 4.2 | Giải pháp đảm bảo chất lượng: Có quy trình kiểm soát chất lượng khám, hiệu chuẩn thiết bị, đối chiếu kết quả, xử lý sai lệch. | Có quy trình cụ thể | Đạt |
| | | Không có quy trình rõ ràng | Không đạt |
| 4.3 | Giải pháp số hóa và báo cáo điện tử: Có quy trình nhập dữ liệu, đồng bộ hóa kết quả khám vào hệ thống Bệnh án điện tử, tạo báo cáo tự động (PDF, Excel), phân tích sức khỏe tổng hợp. | Có mô tả chi tiết, minh họa quy trình | Đạt |
| | | Không có hoặc không khả thi | Không đạt |
| 5 | Uy tín và năng lực nhà thầu | | |
| | Nhà thầu có cam kết không vi phạm các nội dung liên quan đến uy tín của nhà thầu theo quy định Điều 19 và Điều 20 của Nghị định | Có cam kết đáp ứng yêu cầu | Đạt |

| STT | Nội dung đánh giá | | Tiêu chí Đạt/Không đạt |
|-----------------|--|---|------------------------|
| | số 214/2025/NĐ-CP. Trong trường hợp nhà thầu có vi phạm thì nhà thầu thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2, Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Không có cam kết hoặc vi phạm | Không đạt |
| Kết luận | | Các tiêu chuẩn được xác định là Đạt | Đạt |
| | | Có ít nhất 1 tiêu chuẩn được xác định là Không đạt | Không đạt |